

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2024

“Về việc ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Danh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lê.

2. Bà Trần Thị Chín.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thuỷ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 222/2023/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023, về việc “Ly hôn” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Lê Hồng V, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Lê Hồng V tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 03/01/2023. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều lần anh V còn đánh đập chị. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Hồng V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 02 con chung là Lê Nguyễn Khánh L, sinh ngày 26/05/2003, Lê Hồng P, sinh ngày 08/01/2005. Hiện nay các con đã thành niên nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Hồng V trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước vào năm 2003. Trong quá trình chung sống anh và chị T cũng xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, một số lần do không kèm chế được bản thân nên anh và chị T cũng xảy ra xô xát lẫn nhau. Tuy nhiên hiện nay chị T yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý, vì anh có nguyện vọng vợ chồng về chung sống nuôi dạy các con cho thành đạt.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 02 con chung là Lê Nguyễn Khánh L, sinh ngày 26/05/2003, Lê Hồng P, sinh ngày 08/01/2005. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì hiện nay các con đã thành niên nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với anh Lê Hồng V, nơi cư trú của anh Lê Hồng V tại thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án “ Hôn nhân gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lê Hồng V có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Lê Hồng V tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 03/01/2003. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Lê Hồng V là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T thấy rằng: Sau khi đăng ký kết hôn chị và anh V chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều lần anh V còn đánh đập chị. Bị đơn anh Lê Hồng V cũng xác nhận trong quá trình chung sống

anh và chị T cũng xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, một số lần do không kèm chế được bản thân nên anh và chị T cũng xảy ra xô xát lẫn nhau, Tuy nhiên hiện nay chị T yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý, vì anh có nguyện vọng vợ chồng về chung sống nuôi dạy các con cho thành đạt. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Lê Hồng V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T là phù hợp.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 02 con chung là Lê Nguyễn Khánh L, sinh ngày 26/05/2003, Lê Hồng P, sinh ngày 08/01/2005, hiện nay các con đã thành niên nên không đặt ra việc nuôi dưỡng vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Lê Hồng V.

[2]. Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 02 con chung là Lê Nguyễn Khánh L, sinh ngày 26/05/2003, Lê Hồng P, sinh ngày 08/01/2005, hiện nay các con đã thành niên nên không đặt ra việc nuôi dưỡng vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai thu số 0001338 ngày 08/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

[6]. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã Đoàn Kết;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Danh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 16 tháng 3 năm 2021
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu và ông Nguyễn Đăng Bảy.
Tiến hành nghị án vụ dân sự thụ lý số: 437/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, giữa các đương sự:
- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Anh, sinh năm 1994 (có mặt)
HKTT: Thôn 3, xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
Nơi cư trú: Số 02 đội 3, ấp Phước Tâm, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
- Bị đơn: Anh Lâm Văn Đăng, sinh năm 1993 (vắng mặt)
HKTT: Thôn 3, xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH 3/3 (100%) CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147, 161, 218 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Anh đối với bị đơn Lâm Văn Đăng; Xử cho chị Nguyễn Thị Anh được ly hôn với anh Lâm Văn Đăng.

[2] Về con chung: Giao con chung của chị Anh và anh Đăng là Lâm Nguyễn Hải Hưng, sinh ngày 05/02/2018 cho chị Anh trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Đồng thời có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn Nguyễn Thị Anh đối với bị đơn Lâm Văn Đăng.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Anh phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 015734 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 16 tháng 3 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Liêu - Nguyễn Đăng Bửu

Nguyễn Văn Huệ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã Đoàn Kết;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huệ

